

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2023/HS-ST
Ngày 02-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lượng – Hiệu trưởng trường THCS xã Thanh Sơn

Bà Khúc Thị Minh – Giáo viên nghỉ hưu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Văn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- **Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Minh Q, sinh ngày 10/10/2000 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Q1 tịch: Việt N; con ông Hoàng T H1, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1974; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2023, đến ngày 12/4/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Đỗ Văn Đ, sinh ngày 10/7/2006 tại Hải Phòng (đến ngày phạm tội là 16 tuổi 08 tháng 19 ngày); nơi cư trú: Thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Q1 tịch: Việt N; con ông Đỗ Văn D, sinh năm 1969 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1974; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2023, đến ngày 12/4/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn Đ:* Bà Đặng Thị Minh Loan, sinh năm 1983; là Trợ giúp viên pháp lý của T tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Văn Đ:* Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng (là bố của bị cáo); có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Phú T, sinh ngày 17/3/2007; nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Phú T:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng (là mẹ của anh T); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Bùi Tuấn A, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Đ diện Đoàn thanh niên xã H, huyện K:* Ông Nguyễn Quang Được, là Bí thư Đoàn thanh niên xã H, huyện K; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong các ngày từ 29/3/2023 đến 02/4/2023, Hoàng Minh Q và Đỗ Văn Đ đã liên tiếp có hành vi Cướp tài sản, Gây rối trật tự công cộng và Cố ý làm hư hỏng tài sản, cụ thể như sau:

Vụ án Cướp tài sản: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 29/3/2023, Đỗ Văn Đ để 01 thanh kiếm (dài 59 cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi dài 47cm, lưỡi kiếm rộng 4,5cm, đầu nhọn) ở ốp bô xe mô tô BKS 18Z6-7271. Sau đó, Hoàng Minh Q điều khiển xe mô tô BKS 18Z6-7271 chở Đỗ Văn Đ đến gặp bạn là Nguyễn Bảo Q1 và Trần Hoàng Phi L1 để uống nước tại khu vực cây xăng thuộc thôn T, xã M, huyện K. Khi nhóm của Q đang ngồi tại quán nước ở trên vỉa hè; Q và Đ thấy anh Nguyễn Phú T điều khiển xe mô tô BKS 16H7-7625 chở anh Nguyễn Văn N, đi hướng từ thị trấn Núi Đồi đến cây xăng thôn T. Khi Q nói “*nhìn đều lại thích ăn đòn rồi*” thì Đ nói “*mũ trắng này đẹp nhĩ*”; Q nói “*để anh ra lấy cho*”. Sau khi đồ xăng xong, anh T điều khiển xe chở anh N quay về hướng thị trấn Núi Đồi; đi được khoảng 10m, Q điều khiển xe mô tô ra chặn đầu xe của anh T. Q nói “*mày vừa nhìn đều tao à*”, rồi chửi bới và dùng tay tát 02 cái vào mặt anh T làm anh T bị rơi 01 mũ

lưỡi trai màu nâu đang đội xuống đường. Anh T cúi xuống định nhặt lại mũ nhưng Q không cho anh T nhặt và rút thanh kiếm ở xe mô tô của mình chém ngang xe, làm vỡ mặt nạ xe và 02 cánh yếm xe của anh T, Q nói “*cút*”. Do sợ hãi nên anh T không dám nhặt mũ và chở N bỏ đi. Cùng lúc này, Đ từ quán nước đi sang đường, Q liền nhặt mũ lên và ném cho Đ, Đ cầm mũ về quán nước ngồi, Q1 hỏi mượn Đ chiếc mũ để đi sinh nhật nhưng Đ không cho mượn. Sau đó, khi cả nhóm về nhà Q1 tại thôn K2, xã H, Q1 tiếp tục hỏi mượn thì lúc này Đ ý cho Q1 mượn chiếc mũ. Đến ngày 02/5/2023, Q1 tự nguyện giao nộp lại chiếc mũ cho Cơ quan điều tra Công an huyện K.

Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 19/6/2023 của Hội đồng định giá huyện K kết luận: Tổng trị giá thiệt hại các bộ phận bị hư hỏng xe mô tô BKS 16H7-7625 là 440.000 đồng. Trị giá 01 mũ lưỡi trai màu nâu, mũ có viền kẻ sọc màu xanh đỏ, mũ có biểu tượng hãng thời trang Gucci đã qua sử dụng là 230.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Đ đã tác động gia đình, bồi thường cho anh T số tiền 500.000 đồng. Anh T đã nhận lại chiếc mũ lưỡi trai và không có yêu cầu đề nghị gì, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Vụ án Gây rối trật tự công cộng và Cố ý làm hư hỏng tài sản: Khoảng 21 giờ ngày 02/4/2023, Q điều khiển xe mô tô Honda Wave (biển kiểm soát 18Z6-7271 để trong cốp xe) chở Đ đi đến khu vực cổng Hòa Bình thuộc xã Đông Phương, huyện K. Ở vị trí gần ốp bên phải xe có để 01 thanh kiếm (dài 59cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi dài 47cm, rộng 4,5cm, đầu kiếm nhọn) do Q và Đ cùng chuẩn bị từ nhà. Đ bảo Q đi đường thấy ai ngứa mắt thì chém gây thương tích, thấy đôi N nữ đi đường sẽ dùng kiếm dọa, Q đồng ý.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Q đang điều khiển xe trên đường 361 gần nghĩa trang liệt sỹ đi theo hướng từ xã Thanh Sơn về thị trấn Núi Đồi, thấy có 02 xe mô tô đi ngược chiều, gồm xe mô tô BKS 15B4-368.31 do chị Đỗ Thị Xuân Mai điều khiển chở anh Bùi Tuấn A và xe mô tô BKS 15F1-272.83 do anh Nguyễn Đức N điều khiển chở anh Nguyễn Đình N. Đ bảo Q đuổi theo 02 xe trên, Q điều khiển xe quay lại ép 02 xe mô tô trên vào lề đường, Đ xuống xe và nói “*mày chửi tao à*” rồi cầm kiếm đặt lên vai của anh Đức N, Q túm cổ áo anh Đức N. Lúc này, Bùi Tuấn A nhận ra Q là người quen nên Đ và Q lên xe chuẩn bị đi thì nghe thấy có người trong nhóm Tuấn A chửi; Q quay lại phía Tuấn A nói “*mày chửi ai đấy*”. Đ rút kiếm, chém Tuấn A 02 nhát hướng từ trên xuống dưới, Tuấn A giơ tay trái lên đỡ, bị chém vào tay. Q cũng dùng tay đánh anh Đức N. Đ tiếp tục dùng kiếm chém 02-03 nhát trúng vào lưng anh Đức N và chém nhiều nhát vào xe Airblade của anh Đức N. Sau đó, chị Mai điều khiển xe mô tô chở Tuấn A bỏ chạy về hướng xã T. Ngay lúc này, Đ thấy anh Đoàn Văn H điều khiển xe mô tô BKS 15B3-045.91 hướng từ xã Thanh Sơn về xã T đi qua vị trí Đ đang đứng, Đ nghĩ đây là người trong nhóm vừa bị chém nên chạy bộ đuổi theo xe anh H, cách vị trí

của Q đang đứng khoảng 50m. Đ đuổi theo anh H dùng kiếm chém nhiều nhát vào phần đầu xe mô tô, do Đ chạy bộ nên anh H kịp chạy thoát.

Sau khi đánh anh Đức N, Q điều khiển xe mô tô ra chỗ Đ, chờ Đ đuổi theo vợ cH Tuấn A nhưng không thấy nên cả hai quay về đến khu vực cầu Đ1, xã Đ; Q và Đ thấy trên cầu có khoảng 06 người thanh niên N giới đang ngồi trên 03 xe mô tô, có người trong nhóm này cầm kiếm vẫy tay khiêu khích Q và Đ. Q điều khiển xe mô tô chở Đ về nhà Q lấy 01 gậy inox treo quần áo dài 1,92m hình tròn, đường kính 2,5cm, phần đầu ống được buộc 02 dao cùng độ dài 35cm, 01 dao cán bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dài 22cm, bản rộng nhất 08cm và 01 dao cán bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao dài 23cm, bản rộng nhất 7,5cm; Đ lấy 03 chiếc cốc thủy tinh để trong túi áo. Đ điều khiển xe mô tô chở Q ngồi sau cầm kiếm và thanh inox gấn dao đi tìm nhóm thanh niên. Khi đi trên đường 361 đoạn thuộc khu vực xã Thanh Sơn, gặp nhóm thanh niên trên cầm chai, gạch ném Q và Đ nhưng không trúng. Thấy nhóm thanh niên đông người nên Q và Đ bỏ chạy; Q cầm gậy sắt gấn dao quét xuống đường cho tóe lửa để làm nhóm thanh niên sợ. Khi chạy đến khu vực quán ốc của bà Ngô Thị Luyến ở thôn Đ1, xã Đ, huyện K; Q và Đ dừng lại, nhóm thanh niên cũng đuổi theo đến đó. Hai bên xảy ra cãi chửi nhau, Đ cầm 03 chiếc cốc thủy tinh ném về phía nhóm thanh niên nhưng không trúng ai. Lúc này, có 01 người đàn ông đi từ nhóm thanh niên sang phía Q và Đ; Q dùng gậy sắt gấn dao vụt vào người đàn ông đó, người này ngã xuống đường rồi đứng dậy nói “không phải em”; thấy vậy, Q để người đàn ông đi. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an huyện K kết hợp Công an xã T và Công an xã Đ đến khu vực quán ốc, nơi các đối tượng đang cãi chửi nhau; đồng chí Đoàn Đắc Q mặc quần áo dân sự, đi từ phía nhóm thanh niên vào ôm, giữ Q. Đ nghĩ đồng chí Q là người nhóm thanh niên nên chạy vào quán ốc lấy 01 bát ô tô bằng sứ màu trắng, đường kính khoảng 20 cm, đập vào đầu đồng chí Q. Ngay sau đó, tổ công tác đã khống chế Q và Đ; đưa về trụ sở giải quyết.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn hồi 12 giờ 20 phút ngày 03/4/2023 của Hoàng Minh Q không có nồng độ cồn; của Đỗ Văn Đ là 0,029 mg/l.

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 27/4/2023 của Hội đồng định giá huyện K kết luận: 01 xe mô tô Honda, Airblade, biển kiểm soát 15F1-272.83 của anh Nguyễn Đức N, thiệt hại trị giá 1.390.000 đồng; 01 xe mô tô Honda, Airblade, biển kiểm soát 15B3-045.91 của anh Đoàn Văn H, thiệt hại trị giá 1.075.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, do thương tích nhẹ và các thương tích đã ổn định nên ngày 10/4/2023 và 01/6/2023, anh Tuấn A và anh Đức N có đơn từ chối giám định thương tích. Đỗ Văn Đ đã tác động gia đình bồi thường cho anh Bùi Tuấn A số tiền 60.000.000 đồng, anh Nguyễn Đức N số tiền 1.300.000 đồng, anh Đoàn Văn H số tiền 1.200.000 đồng, anh Nguyễn Phú T số tiền 500.000 đồng. Nay không ai

có yêu cầu bồi thường gì thêm và các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Vật chứng thu giữ được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý gồm: 01 kiếm dài 59cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi dài 47cm, bản rộng 4,5cm, đầu kiếm nhọn, phần lưỡi kiếm bị vỡ, cong vênh; 01 ống inox dài 1,92m hình tròn, đường kính 2,5cm, phần đầu ống được buộc 02 dao cùng độ dài 35cm, 01 dao cán bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dài 22cm, bản rộng nhất 08cm và 01 dao cán bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao dài 23cm, bản rộng nhất 7,5cm; 01 số mảnh vỡ bằng sứ màu trắng,

Đối với 01 xe mô tô bị cáo Q và Đ sử dụng tối ngày 02/4/2023 là loại xe Honda Wave, màu xanh, không có biển kiểm soát, có số khung RLHHC09016Y289607, số máy RL8PD152FMH012551. Trong cốp xe có biển kiểm soát 18Z6-7271. Cơ quan điều tra xác minh, làm rõ đây là phương tiện liên quan đến vụ trộm cắp tài sản xảy ra năm 2021 tại huyện A, thành phố Hải Phòng, nên đã có công văn chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKSKT ngày 06/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Đỗ Văn Đ về các tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Minh Q về các tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ từ 21 tháng đến 27 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ từ 07 năm 09 tháng đến 09 năm tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày tạm giữ 03/4/2023.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Minh Q từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội Cướp tài sản.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Minh Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Minh Q từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày tạm giữ 03/4/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 178 và khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 kiếm dài 59cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi dài 47cm, bản rộng 4,5cm, đầu kiếm nhọn, phần lưỡi kiếm bị vỡ, cong vênh; 01 ống inox dài 1,92m hình tròn, đường kính 2,5cm, phần đầu ống được buộc 02 dao cùng độ dài 35cm, 01 dao cán bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dài 22cm, bản rộng nhất 08cm và 01 dao cán bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao dài 23cm, bản rộng nhất 7,5cm; 01 số mảnh vỡ bằng sứ màu trắng,

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Nay những bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không ai có yêu cầu đề nghị gì đối với các bị cáo, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ đều đồng ý và không có ý kiến tranh luận. Người bào chữa cho bị cáo Đ trình bày ý kiến: Không tranh luận về các tội danh và khung hình phạt. Đối với tội Cướp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Kiểm sát viên tranh luận: Bị cáo Đ phạm tội không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên không đủ điều kiện hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và Đ cũng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Không ai có ý kiến tranh luận gì thêm. Các bị cáo nói lời sau cùng đều tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường nơi xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[2.1] Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 29/3/2023, tại thôn T, xã M, huyện K, Đỗ Văn Đ có lời nói gợi ý, khởi xướng đề thúc đẩy Hoàng Minh Q thực hiện tội phạm. Q đã tiếp nhận ý chí của Đ, thực hành tích cực, quyết liệt; Q đã dùng vũ lực, cụ thể là dùng tay đánh anh Nguyễn Phú T và sử dụng 01 thanh kiếm là vũ khí chém nhiều nhát vào xe anh T, làm cho anh T sợ hãi để đuổi anh T đi nhằm chiếm đoạt của anh T 01 chiếc mũ lưỡi trai, trị giá 230.000 đồng. Như vậy, hành vi của Đỗ Văn Đ và Hoàng Minh Q đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Khoảng 22 giờ 30 phút đến 23 giờ 50 phút ngày 02/4/2023, tại địa bàn huyện K, Đỗ Văn Đ và Hoàng Minh Q điều khiển xe mô tô với tốc độ cao, lạng lách đánh võng, đánh, chửi nhau trên đường giao thông; dùng vũ khí, hung khí là dùng dao quẹt xuống đường tóe lửa, dùng kiếm vô cớ đuổi, chặn xe mô tô để đánh chém gây thương tích cho người tham gia giao thông; đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện K. Như vậy, hành vi của Hoàng Minh Q và Đỗ Văn Đ đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự;

[2.3] Ngoài ra, trong quá trình phạm tội “gây rối trật tự công cộng” Đ và Q thống nhất đi đường thấy ai “ngứa mắt” thì chém gây thương tích, không có sự thống nhất về việc làm hư hỏng tài sản của người khác. Tuy nhiên, Đỗ Văn Đ đã tự ý dùng kiếm chém hư hỏng xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 15F1-272.83 của anh Nguyễn Đức N, thiệt hại trị giá 1.390.000 đồng và xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 15B3- 045.91 của anh Đoàn Văn H, thiệt hại trị giá 1.075.000 đồng; tổng thiệt hại cho tài sản trị giá 2.465.000 đồng. Như vậy, hành vi

của Đỗ Văn Đ đã thỏa mãn cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Về đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án có đồng phạm: Các bị cáo đều có sự nhất trí, cố ý cùng thực hiện tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc từ trước và phân công thực hiện tội phạm, không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Vì vậy, đây thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[4.1] Đối với tội “Cướp tài sản”: Đ có lời nói gợi ý, khởi xướng để thúc đẩy Q thực hiện tội phạm nên Đ là người xúi giục. Q đã tiếp nhận ý chí của Đ, trực tiếp thực hiện tội phạm; đã dùng vũ lực, cụ thể là dùng tay đánh anh Nguyễn Phú T và sử dụng 01 thanh kiếm là vũ khí chém nhiều nhát vào xe anh T, làm cho anh T sợ hãi để đuổi anh T đi nhằm chiếm đoạt tài sản của anh T. Do vậy Q là người thực hành tích cực, quyết liệt, có vai trò cao hơn Đ.

[4.2] Đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”: Đ và Q cùng thay nhau điều khiển xe máy với tốc độ cao, lạng lách đánh võng trên đường; cùng đánh cãi chửi nhau với nhóm thanh niên lạ. Q dùng dao quẹt xuống đường tóe lửa để dọa không cho phương tiện khác tiến gần, dùng tay đánh anh Đức N. Tuy nhiên, Đ là người chủ động bảo Q đi đường thấy ai ngứa mắt thì chém gây thương tích, thấy đôi N nữ đi đường sẽ dùng kiếm dọa; Đ có những hành vi quyết liệt hơn, là người cầm kiếm trực tiếp chém vào tay anh Tuấn A, chém vào lưng anh Đức N, dùng bát ô tô đập vào đầu đồng chí Đoàn Đắc Q do nghĩ đồng chí Q là người bên nhóm thanh niên đang mâu thuẫn; cho thấy hành vi của Đ có vai trò cao hơn Q.

[4.3] Đối với tội “Hủy hoại tài sản”: Bị cáo Đ có vai trò độc lập trong vụ án.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Hoàng Minh Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đỗ Văn Đ thực hiện hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của anh Nguyễn Đức N và anh Đoàn Văn H. Bị cáo không quen biết, không có mâu thuẫn, nhưng chỉ vì “*ngứa mắt*” mà đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, coi thường pháp luật, xâm phạm đến tài sản của người khác. Do đó, bị cáo Đ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tính chất côn đồ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đ đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại và các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ, nên Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1,

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Cướp tài sản” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Đối với ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Đ phạm tội không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với cả 02 bị cáo Q và Đ; mặc dù bị cáo Đ là người dưới 18 tuổi phạm tội nhưng xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Tuy nhiên, khi xử phạt tù có thời hạn thì Hội đồng xét xử cần cho bị cáo Đ được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất. Ngoài ra, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự như ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đ.

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 6 Điều 168, khoản 5 Điều 178 của Bộ luật Hình sự quy định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo Đ là người dưới 18 tuổi; bị cáo Q không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 kiếm dài 59cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi dài 47cm, bản rộng 4,5cm, đầu kiếm nhọn, phần lưỡi kiếm bị vỡ, cong vênh; 01 ống inox dài 1,92m hình tròn, đường kính 2,5cm, phần đầu ống được buộc 02 dao cùng độ dài 35cm, 01 dao cán bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dài 22cm, bản rộng nhất 08cm và 01 dao cán bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao dài 23cm, bản rộng nhất 7,5cm; 01 số mảnh vỡ bằng sứ màu trắng; là phương tiện dùng vào việc phạm tội; cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu đề nghị gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Trong vụ án này, Hoàng Minh Q dùng kiếm chém gây hư hỏng xe mô tô BKS 16H7-7625 của anh Nguyễn Phú T, điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe, giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển xe tham gia giao thông; Đỗ Văn Đ là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi L từ 50 cm³ trở lên, điều khiển xe mô tô mà trong hơi thở có nồng độ cồn. Do vậy, Trưởng Công an huyện K đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ và Q là đúng pháp luật.

Ngoài hành vi các bị cáo đã thực hiện như nội dung nêu trên, các bị cáo khai nhận, tối ngày 02/4/2023, Q điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi sau cầm kiếm chém, đuổi theo 02 xe mô tô không rõ biển kiểm soát tại khu vực đèn tín hiệu giao thông thuộc thị trấn Núi Đồi, huyện K và khu vực cầu Thống Nhất đoạn tiếp giáp xã

Kiến Q1 với xã T, huyện K nhưng không chém trúng, không gây thương tích cho ai, Cơ quan điều tra đã ra thông báo tìm kiếm nhưng chưa làm rõ được tên tuổi, địa chỉ những người này nên tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với người đàn ông bị Q dùng gậy sắt đánh tại quán ốc của bà Ngô Thị Luyến không xác định được tên tuổi địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi của Đ dùng bát sứ đánh gây thương tích cho đồng chí Đoàn Đắc Q. Khi tổ công tác đến, đồng chí Q mặc quần áo dân sự xuống xe đi từ phía nhóm thanh niên vào ôm, giữ bị cáo Q nên Đ nghĩ đồng chí Q là người của nhóm thanh niên nên hành vi của Đ không phạm tội Chống người thi hành công vụ và cũng không thuộc trường hợp hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng. Đồng chí Q bị xây xước nhẹ đã ổn định nên từ chối giám định thương tích và không yêu cầu đề nghị bồi thường gì.

Đối với nhóm thanh niên có hành vi đuổi đánh nhau với Đ và Q, chưa làm rõ được là các đối tượng nào nên tiếp tục xác minh xử lý sau.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định. Án phí của bị cáo Đ do người Đ diện nộp thay.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, các đương sự, người Đ diện hợp pháp của bị cáo Đ, người bào chữa cho bị cáo Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Đỗ Văn Đ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Đỗ Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 03/4/2023.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh Q 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Hoàng Minh Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 03/4/2023.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 kiếm dài 59cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi dài 47cm, bản rộng 4,5cm, đầu kiếm nhọn, phần lưỡi kiếm bị vỡ, cong vênh; 01 ống inox dài 1,92m hình tròn, đường kính 2,5cm, phần đầu ống được buộc 02 dao cùng độ dài 35cm, 01 dao cán bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dài 22cm, bản rộng nhất 08cm và 01 dao cán bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao dài 23cm, bản rộng nhất 7,5cm; 01 số mảnh vỡ bằng sứ màu trắng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q1 hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí của bị cáo Đ do người Đ diện nộp thay.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Đ, người Đ diện hợp pháp của bị cáo Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.